

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 03 - 12 - 2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và ông Nguyễn Văn Khoát.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/10/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị Lệ T, sinh ngày 06/11/1976; Số căn cước công dân: 035176000286; Nơi ĐKKHKT: tổ 7B, phường PL, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: số nhà 120B, đường CC, phường PL, tỉnh Ninh Bình.

*** Bị đơn:** Ông Lê Đức G, sinh ngày 05/05/1975; Số căn cước công dân: 035075003798; nơi cư trú: tổ 7B, phường PL, tỉnh Ninh Bình.

Phiên tòa vắng mặt bà T có đơn xin xử vắng mặt, ông G vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án bà Đinh Thị Lệ T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê Đức G lấy nhau có tổ chức cưới hỏi được gia đình hai bên cho tổ chức theo phong tục tại địa phương vào năm 1997. Sau đó, vợ chồng ông bà chung sống đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, cách sống nhưng vẫn chung sống và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống, vợ chồng bà đã xảy ra rất nhiều lần cãi vã thậm trí ông G còn đánh bà nữa nên vợ chồng bà đã chủ động sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Trong thời

gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nên tình cảm bà dành cho ông G không còn nữa. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng không thể khắc phục để duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau được nên bà xin được ly hôn với ông Lê Đức G.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 06/4/1998 (con trai); Lê Thu H, sinh ngày 12/3/2005 (con gái) đều đã trưởng thành lao động tự lập được nên bà không đề nghị giải quyết; cháu Lê Đức T, sinh ngày 28/8/2013 (con trai) còn nhỏ do bà đang nuôi dưỡng từ khi vợ chồng bà sống ly thân. Vì vậy, khi ly hôn bà xin được nuôi cháu Lê Đức T và bà không yêu cầu ông Lê Đức G cấp dưỡng nuôi con chung.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên bà không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Đức G đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của ông Lê Đức G.

* Ý kiến nguyên vọng của cháu Lê Đức Tú: Hiện nay cháu đang ở với mẹ cháu nên khi bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn ở với mẹ cháu.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường Phú Lý đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa bà T, ông G theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Bà T có đơn xin vắng mặt và bà có quan điểm: Vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn với ông Lê Đức G. Về con chung: Bà xin nuôi con chung Lê Đức Tú và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác bà không yêu cầu giải quyết.

* Ông G vắng mặt không có lý do và cũng không có quan điểm gì cả.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Đinh Thị Lệ Thủy đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Đức G chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố

tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể ông G vắng mặt không có lý do tại các phiên họp, phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:
- + Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- + Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
- + Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Lệ Thủy.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Đinh Thị Lệ T và ông Lê Đức G.
- Về con chung: Giao cháu Lê Đức T, sinh ngày 28/8/2013 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đinh Thị Lệ T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Đức G có nơi thường trú tại địa chỉ tổ 7B, phường PL, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Ly hôn, nuôi con chung” giữa bà Đinh Thị Lệ T và ông Lê Đức G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Lê Đức G vắng mặt không có lý do nhưng trước đó ông G đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 24/10/2025 mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ; bà Đinh Thị Lệ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt bà T, ông G tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Đinh Thị Lệ T và ông Lê Đức G lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình) là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Lệ T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T và ông G cũng có khoảng thời gian chung sống hơn 10 năm hòa thuận nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T do vợ chồng bà không phù hợp với nhau về quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, vợ chồng đã chủ động sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 và không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập niêm yết

hợp lệ nhiều lần để ông G tham gia các buổi làm việc, các phiên họp hoà giải tại Tòa án nhưng ông G đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay ông G vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã phân tích, động viên bà T suy nghĩ lại nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn ông G. Xét thấy, hôn nhân của vợ chồng bà T, ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà T ông G có 03 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 06/4/1998 (con trai); Lê Thị Thu H, sinh ngày 12/3/2005 (con gái) đều đã trưởng thành lao động tự lập được, bà T không đề nghị giải quyết và cháu Lê Đức T, sinh ngày 28/8/2013 (con trai) do bà đang nuôi dưỡng. Xét quan điểm của bà T muốn được nuôi con chung Lê Đức T, nguyện vọng cháu T muốn được ở với bà T và thực tế cháu T đang ở với bà T. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Lê Đức T cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện bà T không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà T, ông G thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa bà Đinh Thị Lệ T và ông Lê Đức G.

[2] Về con chung: Giao bà Đinh Thị Lệ T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Đức T, sinh ngày 28/8/2013 (con trai), cho đến khi cháu Lê Đức T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ông Lê Đức G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Đinh Thị Lệ T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đinh Thị Lệ T phải nộp là 300.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002710 ngày 21/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bà T đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH ngày 27/12/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên